

NỀN TẢNG TINH YẾU CỦA PHẬT GIÁO

Biên soạn: HUYỀN THANH

Thông thường, khi nói đến **Phật Giáo** thì người ta thường liên tưởng đến một **Tôn Giáo** có: Tự-viện thờ Phật Thánh, Thầy tu với Đồ-chúng và cùng nhau thực hiện các Nghi Lễ thiêng liêng, cầu xin các đấng tối cao dứt trừ mọi tai ách, các nỗi khổ đau phiền muộn đồng thời ban cho con người có được sự an vui hạnh phúc. Do quá chú trọng đến các hình thức của Nghi Lễ nên người ta thường quên mất rằng: “**Phật Giáo** không phải là một Tôn Giáo mà là những sự chỉ dạy giúp cho con người tự mình biết kham nhẫn để vượt qua được mọi sự đau khổ trong cuộc sống và tự mình đạt được sự hiểu biết **như thật** để thực chứng **Chân Lý**”

.) Kinh **Dhamma Dôsa** có ghi: “*Hãy đến đây, người Kâlâma! Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì ta nghe thấy có người ấy nói điều ấy một lần rồi. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy được truyền lại từ xưa. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy đã được đồn từ phương xa đến. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy được viết ra từ Kinh Sách. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì chính ta đã ước đoán và nêu ra như thế. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì chính ta đã suy diễn và nói ra như thế. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy hợp với những thành kiến của ta. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì tính cách có thể chấp nhận được của điều ấy. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì sự kính trọng của ta đối với người nói ra điều ấy.... Mà hỡi người Kâlâma! Chỉ khi nào tự các người, các người hiểu rõ ràng điều ấy đúng với Đạo Lý, không có gì để chê trách, lại được các bậc **Thiện Tri Thức** Thiện Tâm tán đồng và có khả năng mang lại an vui hạnh phúc chân thật, thì các người phải thực hành đúng như điều ấy” (bản dịch của ông **Đoàn Trung Còn**)*

.) Cũng như Đức Phật đã dạy: “*Ta chỉ là người dẫn đường, vạch rõ phương cách cho chúng sinh đi đến nẻo giải thoát. Nhưng đi hay không là tự chúng*”.

.) Một bản Kinh Tây Tạng có ghi:
*“Chư Phật không rửa sạch tội lỗi
Không đưa tay ban phép
Để cho Hữu Tình bớt khổ đau
Không trao sự chứng ngộ Chân Như của Ngài
Ngài giải thoát con người
Bằng Giáo Lý về Chân Như”*

.) Ngài **Śākya Pandit** có nói:
*“_ Khi bạn kinh doanh buôn bán
Như lái ngựa, buôn châu báu
Bạn nghi vấn đủ điều
Và bạn khám xét mọi mặt
Tôi thấy bạn cần mẫn làm sao
Với những việc vặt vãnh của đời này
_ Những đời tương lai, bạn tốt hay xấu
Đều tùy thuộc vào Pháp vi diệu
Ấy mà bạn xử sự với Pháp đó
Như con chó ngốn ngấu đồ ăn*

*Bạn thành kính đón nhận bất kỳ gì gặp được
Mà không xem trước cho kỹ
Để biết nó là Chánh hay Tà”*

.) Ngoài ra các vị Đạo Sư Tây Tạng thường khuyên dạy là :

“Bạn phải xét cho kỹ cái Pháp mà bạn sẽ dùng làm Pháp Tu cho bạn. Nếu nó giúp cho bạn nhận ra rằng mọi Giáo Lý đều ăn khớp với nhau, mọi Kinh Điển đều trở thành những lời chỉ giáo giúp cho bạn dễ dàng tìm ra chân lý của Đức Phật và giúp bạn tự mình thoát khỏi những Tà Hạnh tệ nhất thì bạn hãy tu trì Pháp ấy”

Như vậy, Phật Giáo không phải là nơi để **nhìn thấy rồi tin** hoặc **ép buộc để tin**, mà đây chính là nơi giúp cho chúng ta tự mình tìm đến để **nghe nhìn, suy nghĩ, quyết định thực hành** và tự mình hình thành một niềm tin chắc thật không thay đổi

Trong thật tế, ở bất kỳ một người nào vẫn luôn luôn có tồn tại ba điều là:

1_ Có ước muốn chân thật trong sạch, sống hoà hợp với vạn vật chung quanh.

Tức là **sự trong lành**

2_ Cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình trong cuộc sống. Tức là **sự Định Tĩnh**

3_ Luôn luôn mong đạt được sự hiểu biết sáng suốt không mê lầm. Tức là **sự sáng suốt**

Trong ba điều này thì việc “*cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình trong cuộc sống*” là nền tảng thực hiện được hai điều còn lại.

Nhưng làm thế nào để có thể phát huy ba điều này một cách tốt nhất mà không bị sai lầm?

1_ Muốn cho chính mình có được cuộc sống trong sạch, hòa hợp với mọi vạn vật chung quanh thì chúng ta cần phải **dứt trừ các việc xấu ác, thực hiện các việc tốt lành**. Trong đây việc xấu ác là những hành động dẫn đến sự gây hại cho chính mình hoặc gây tai hại cho người khác, còn việc tốt lành là những hành động đem lại kết quả tốt đẹp cho chính mình và người khác.

Việc xấu ác tuy có nhiều, nhưng thật ra vẫn không ra ngoài các hành động xấu ác của **thân, miệng, ý**. Trong đó:

Thân có ba việc xấu ác là: **sát sinh** (Pṛaṇātipāta), **trộm cắp** (Adattādāna), **Tà Dâm** (Kāma-mithyācāra)

Miệng có bốn việc xấu ác là: **nói dối** (Mṛṣā-vāda), **nói hai lưỡi, nói ly gián** (Paiśunya), **nói điều ác** (Pāruṣya), **nói thêu dệt phù phiếm** (Saṃbhinna-pralāpa)

Ý có ba việc xấu ác là: **tham dục** (Abhidhyāyāḥ), **giận dữ** (Vyāpāda), **Tà Kiến** (Mithyā-dṛṣṭi).

Nếu chúng ta tự mình chế ngự và xa lìa được mười hành động xấu ác bên trên, ấy là **Thân** không sát sinh, không trộm cắp, không Tà dâm. **Miệng** không nói dối, không nói hai lưỡi ly gián, không nói điều ác, không nói lời thêu dệt. **Ý** không có tham dục, không có giận dữ, không có Tà Kiến. Tức là chúng ta đã thực hiện các việc tốt lành và sẽ tự chiêu cảm được các quả tốt lành.

Trong thật tế, chúng ta không có ai sống đơn độc một mình mà không có quan hệ gì với con người và vạn vật chung quanh. Thế nên ngoài việc thực hiện mười điều tốt lành bên trên chúng ta cần phải biết **kính trọng, báo đáp ân nghĩa, thương yêu giúp đỡ** con người và vạn vật chung quanh mình qua sự **bố thí lợi sinh** tức biết cách **gieo trồng ruộng Phước** như “**Phật Quang Đại Tự Điển**” và “**Bách Khoa Toàn Thư**” ghi nhận là:

“**Phước Điền** (Punya-ksetra: ruộng Phước): Ruộng nghĩa là sinh trưởng, đối với người đang cúng dường mà cúng dường ắt hay nhận được Phước Báo, giống như người nông phu gieo trồng khoảng ruộng, có thu lợi vào mùa Thu, cho nên gọi là ruộng Phước

– **Huyền Ký Lục** ghi rằng: “Vì sinh ra Phước cho Ta, nên gọi là ruộng Phước”

– **Vô Lượng Thọ Kinh Tịnh Ảnh Sở** nói rằng: “Sinh ra điều Phước Thiện ở đời giống như ruộng sinh ra vật, cho nên gọi là ruộng Phước”

Phước Điền (Punya-ksetra: ruộng Phước) là mảnh ruộng hay sinh ra Phước Đức. Tức gieo rải hạt giống Bồ Thí, Cúng Dường... ắt hay kết được quả trái Phước Đức, cho nên dùng đất ruộng làm ví dụ. Như khi Bồ Thí thời người tiếp nhận sự Bồ Thí được gọi là Ruộng Phước

– **Đại Trí Độ Luận, quyển 4** nói rằng: “Phật, Bích Chi Phật, A La Hán đều là ruộng Phước do vị ấy đã dứt hết phiền não không còn dư sót”

– **Trung A Hàm, quyển 30, Kinh Phước Điền** nói rằng: “Trong đời: người có học, người không Học hay giữ gìn thân miệng ý ngay thẳng chính đúng cũng trùng lặp như thế. Đây là ruộng tốt, bồ thí cho người ấy ắt được Phước lớn”

– **Kinh Chư Đức Phước Điền** nói rằng: “Trong chúng Tăng, người có năm Đức gọi là ruộng Phước, dâng cúng sẽ được Phước, tiến đến có thể thành Phật. Thế nào là năm?”

1_ Phát Tâm lìa Tục, ôm giữ Đạo

2_ Hủy bỏ sự ưa thích hình hài, mặc quần áo Pháp

3_ Cắt đứt hẳn sự thương yêu thân thuộc, không có ý ưa thích

4_ Vứt bỏ thân mệnh, tuân theo điều Thiện lành

5_ Chí cầu Đại Thừa, muốn cứu độ người

Do năm Đức này nên gọi là Ruộng Phước.

– **Thành Thật Luận, quyển 1** (phẩm Phước Điền) nói rằng: “27 vị Hiền Thánh là ruộng Phước do vị ấy chặt đứt hết các phiền não của nhóm tham lam, tức giận. Tâm của vị ấy trống rỗng chẳng khởi nghiệp ác phiền não, được Pháp chẳng làm, Thiền Định đã được đều thanh tịnh, lìa hẳn các phiền não, vứt bỏ sự lo âu ưa thích, lại hay đoạn trừ năm loại cột buộc của Tâm, thành tựu tám loại Công Đức, dùng bảy Định khéo hộ giữ Tâm, lại diệt hết bảy loại **chấy rĩ** (Lậu tức phiền não), đầy đủ bảy Pháp trong sạch của nhóm Giới, thành tựu tám Công Đức của nhóm **ít ham muốn, biết đủ** (thiểu dục tri túc), lại hay vượt qua bờ bên kia (Niết Bàn) với siêng năng cầu **Độ** (Ba La Mật), cho nên gọi là **ruộng Phước**”

– **Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, quyển Hạ** có nói: “Đủ mười Pháp Hạnh ắt xưng là ruộng Phước chân thật”.

Như trên đã thuật, ruộng Phước rộng rãi thông cả người của **ba Thừa, Học, Vô Học** có điều trong ấy dùng Phật làm ruộng Phước tối thắng.

– Ngay trong các loại **ruộng Phước** thì Đức Phật, Đệ Tử của Phật, người tu hành đều là bậc nhận được sự tôn kính, nên xưng là **Kính Điền** (ruộng tôn kính)

Cha mẹ với sự trưởng đều là bậc nhận được sự báo ân, nên xưng là **Ân Điền** (ruộng ân nghĩa)

Người nghèo túng, người bị bệnh... nhận được sự thương xót, nên xưng là **Bi Điền** (ruộng của lòng trắc ẩn, thương xót)

Nhóm này gọi chung là **ba ruộng Phước**.

Căn cứ vào điều mà các Kinh Điển: **Tạp A Hàm Kinh, Duy Ma Kinh**...có sự phân chia sai khác như: hai loại ruộng Phước, ba loại ruộng Phước, bốn loại ruộng Phước, tám loại ruộng Phước. ...Nay lược thuật như bên dưới:

1 Hai loại ruộng Phước:

Đại Trí Độ Luận, quyển 12 nói rằng: “Có hai loại **Lân Mẫn Phước Điền, Cung Kính Phước Điền**. Loại trước hay sinh Tâm thương xót, loại sau hay sinh Tâm cung kính”

Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, quyển 3 nêu lên hai loại ruộng Phước của chúng Tăng và cha mẹ là: **Chúng Tăng** là ruộng Phước rời khỏi ba cõi, cha mẹ là ruộng Phước tối thắng bên trong ba cõi.

Đồng **Kinh**, quyển 5 lại nêu lên hai loại ruộng Phước Hữu Tác, Vô Tác. **Hữu Tác** (có tạo làm) là muốn được phước báo nên tu Phước Nghiệp, tức cha mẹ với sư trưởng. **Vô Tác** (không có tạo làm) là không có ham muốn cầu phước báo, chỉ khởi cung kính mà tu, tức chư Phật, Pháp, Tăng với Bồ Tát.

Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nêu lên hai loại Bi Điền, Kính Điền. Ba báu Phật, Pháp, Tăng là **Kính Điền**. Người nghèo túng, cô độc, già nua cho đến con kiến...là **Bi Điền**

2 Ba loại ruộng Phước:

Kinh Ưu Bà Tắc Giới, quyển 3 (phẩm Cúng Dường Tam Bảo) nói ba loại ruộng Phước: Báo Ân, Công Đức, Bần cùng. Cha mẹ, sư trưởng, hòa thượng là **Báo Ân Phước Điền**. Được Pháp ám áp (Noãn Pháp) cho đến được người đấng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) là **Công Đức Phước Điền**. Tất cả người nghèo khổ khốn ách là **Bần Cùng Phước Điền**

A Tỳ Đàm Cam Lộ Vị Luận, quyển Thượng (phẩm Bồ Thí Trì Giới) nói có ba loại ruộng Phước: Đại Đức, Bần Khố, Đại Đức Bần Khố. **Đại Đức** chỉ Đức Phật, Bồ Tát, A La Hán cho đến Tu Đà Hoàn. **Bần Khố** chỉ súc sinh, già, bệnh, đui mù, điếc, ngọng, câm...**Đại Đức Bần Khố** chỉ bậc Đại Đức có sự nghèo khổ, già, bệnh

3 Bốn loại ruộng Phước:

Kinh Chính Pháp Niệm Xứ, quyển 61 nêu ra bốn loại ruộng Phước: Mẹ, Cha, Như Lai, Pháp Sư nói Pháp

4 Năm loại ruộng Phước:

Hoa Nghiêm Kinh Tham Huyền Ký, quyển 8 công nhận Ruộng Phước tổng cộng có năm loại là: Ân Điền, Kính Điền, Đức Điền, Bi Điền, Khố Điền. Như Lai, cái tháp, Bồ Tát, Tri Thức và cha mẹ là **Ân Điền** cũng là **Kính Điền**. Thánh Tăng, Nhị Thừa là **Đức Điền** cũng là **Kính Điền**. Ngoài ra người xin ăn với người nghèo là **Bi Điền** cũng là **Khố Điền**

5 Tám loại ruộng Phước:

Kinh Phạm Võng, quyển Hạ nêu ra Thuyết của 8 loại ruộng Phước: “Trong 8 loại ruộng Phước: Chư Phật, Thánh Nhân, mỗi một Sư Tăng, cha mẹ, người bệnh...”

Lại nói rằng: “Trong 8 loại ruộng Phước thì **Khán Bệnh Phước Điền** là ruộng Phước bậc nhất”

Đến giai đoạn này, nếu Tâm Thức của chúng ta còn dính mắc vào các quả báo tốt xấu thì chúng ta vẫn phải chịu sự luân hồi sinh tử trong cõi **Người, Trời**.

Xem xét sự giải thuyết của tám Ruộng Phước đều có thuyết khác nhau.

Trí Ý (Bồ Tát Giới Nghĩa Sớ, quyển Hạ) nói là: Phật, Thánh Nhân, Hòa Thượng, A Xà Lê, Tăng, cha, mẹ, người bệnh là tám loại

Nhóm Nghĩa Tịnh, Thát Hiền, Thắng Trang cũng nói đồng với điều này

Trí Chu (Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bản Sớ, quyển 4) nói ba báu Phật Pháp Tăng, cha mẹ, sư tăng, Đệ Tử, nhóm chẳng đủ các Căn, chịu trăm loại khổ... là tám loại

Pháp Tạng (Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bản Sớ, quyển 5) có nêu ra ba thuyết

*Thuyết của ruộng Phước tuy có nhiều loại, song dùng “Phật với Thánh Đệ Tử làm ruộng Phước” làm **Bản Thuyết** (thuyết căn bản) ấy, cho nên A La Hán có tên gọi là **Ứng Cúng**. Sau này thuyết **Bản Cùng Điền** dấy lên thì mới xưng nhóm Phật là **Kính Điền**, nghèo túng là **Bi Điền**.*

*Trung Quốc đối với hai ruộng Phước: **Bi**, **Kính** hướng đến hưng thịnh sự Cúng Dường, Huệ Thí (ban cho). Nhật Bản noi theo nên nhiều nơi đặt bày có: **Bi Điền Viện**, **Kính Điền Viện**. Ngoài ra có chỗ nói cái áo hay sinh Phước Đức, nhân đây gọi **Cà Sa** là **cái áo ruộng Phước** (Phước Điền Y)”*

Nếu chúng ta tự mình thực hiện đầy đủ mười việc lành kèm với việc bố thí lợi sinh, tức là chúng ta đã thực hiện được cuộc sống trong sạch, hòa hợp với vạn vật chung quanh.

2_ Nếu Tâm Thức của chúng ta vẫn còn dính mắc vào các quả báo tốt xấu thì chúng ta vẫn phải chịu sự sinh tử luân hồi trong các cõi **Người**, **Trời** không thoát ra khỏi được. Vì thế, chúng ta cần phải thực hiện các công việc **tịnh hóa Tâm Ý** của chính mình bằng cách **buông bỏ Tâm Ý chấp dính vào các việc tốt lành đã làm và luôn luôn thực hiện các việc tốt lành này một cách tự nhiên tùy theo khả năng**.

Pháp hỗ trợ tốt nhất cho việc này là thực hành **bốn Tâm Vô Lượng** (Catvāri-apramāṇāni): **Từ**, **Bi Hỷ**, **Xả**

Giai đoạn tự giác (Xả, Hỷ, Bi, Từ):

.) **Xả** (Upekṣa): Hành Giả cần phải biết buông bỏ những điều bất thiện và luôn luôn thực hành điều thiện nhằm lập công bồi đức. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự làm giảm bớt thể lực chi phối của tâm Tham và tâm Nghi đồng thời phát khởi tâm buông bỏ vòng sinh tử khổ đau

.) **Hỷ** (Mudita): Hành Giả cần phải biết vui với sự thành công của người khác nhằm diệt trừ tâm đố kỵ, nuôi dưỡng tâm bình đẳng và phát tâm xấu hổ để tiến tu. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự làm giảm thể lực chi phối của Tâm Sân và Tâm Mạn (kiêu ngạo, khinh thường người khác)

.) **Bi** (Kāruṇa): Hành Giả biết khởi lòng thương xót khi gặp những nỗi khổ đau của người khác. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự làm giảm thể lực chi phối các tâm Ac Kiến

.) **Từ** (Maitri): Hành Giả biết khởi tâm mong muốn đem lại niềm an vui hạnh phúc cho người khác. Trong giai đoạn tu tập này, Hành Giả tự giảm bớt thể lực chi phối của tâm Si

Do thường xuyên tu tập các Pháp trên, Hành Giả tự biết rằng muôn cứu giúp người khác thì tự bản thân phải có đủ khả năng. Nhờ vậy Hành Giả luôn tinh tiến tu tập tịnh hóa thân tâm của mình cho đến khi thực sự mong muốn thành Phật để hóa độ chúng hữu tình (Đây mới đúng là **Chân thật phát Tâm Bồ Đề**)

– **Giai đoạn Giác Tha** (Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả):

.) **Đại Từ** (Mahā-maitri) : Hành Giả trải rộng tâm mong muốn đem lại sự an vui cho tất cả chúng hữu tình (dứt trừ Tham)

.) **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa): Hành Giả trải rộng tâm muốn cứu giúp tất cả chúng Hữu Tình thoát khỏi mọi sự khổ đau (dứt trừ Sân)

.) **Đại Hỷ** (Mahā-mudita): Hành Giả trải rộng tâm vui vẻ tán thán tất cả chúng Hữu Tình biết thực hiện Chính Pháp Giải Thoát (dứt trừ Mạn và Ác Kiến)

.) **Đại Xả** (Mahā-upekṣa): Hành giả trải rộng Tâm như hư không không dính mắc vào bất cứ hình thức nào (dứt trừ Nghi và Si)

Các Pháp này được thực hiện theo **Thiền Quán** và thi hành qua các hành động cụ thể cho đến khi Hành Giả thực sự chứng đắc được trạng thái an lạc tịch tĩnh (thực chứng **Vô Ngã**)

Đây cũng chính là công việc cần thiết mà chúng ta phải tự mình làm. Như chư Phật và các bậc Thánh Đệ Tử của Ngài, sau khi chứng ngộ xong đều nói rằng: “**Những việc cần làm, Ta đã làm xong**”

3_ Khi đã chứng đắc được trạng thái an lạc tịch tĩnh tức là chúng ta đã được sự hiểu biết sáng suốt không mê lầm giống như các bậc Thánh Giải Thoát và dứt trừ hẳn sự sinh tử luân hồi trong sáu nẻo.

Thế nên, các bậc Đạo Sư Phật Giáo đã giảng dạy rằng: **sự sáng suốt, sự định tĩnh, sự trong lành** chính là **3 Báu** vốn có sẵn trong Tâm Thức của mỗi một chúng sinh. Trong đó **sự sáng suốt** (Budhi) được gọi là Tuệ Giác hay **Phật Bảo** (Buddha-ratna), **sự định tĩnh** (Samādhi) hay Tâm Thức vắng lặng trong suốt được gọi là **Pháp Bảo** (Dharma-ratna), **sự trong lành** (Visuddhe) hay Tâm Thức vượt thoát tham dục phiền não được gọi là **Tăng Bảo** (Saṃgha-ratna). Ba báu này còn được nói gọn lại là: **Phật** là *Giác*, **Pháp** là *Chính*, **Tăng** là *Tịnh*. Chính vì lý do này, Đức Phật đã tuyên bố: “**Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành**”

Có điều khi đang là Phàm Phu, Tâm Thức chúng ta thường âm thầm tuân theo sự **Chấp Ngã** nên 3 độc **Tham** (Lobha), **Sân** (Dveṣa), **Si** (Moha) luôn thay đổi nhau che lấp 3 Báu vốn có này khiến cho chúng ta khó có thể trực nhận được trạng thái giải thoát phiền não khổ đau. Thế nên để có thể giúp cho mọi chúng sinh tự đánh thức được 3 Báu (sáng suốt, định tĩnh, trong lành) vốn có của mình, các bậc Đạo Sư đã dùng 3 Báu bên ngoài tạo thành những biểu tượng kết tinh và dẫn dắt những lời cầu nguyện của người Phật Tử chân chính, người đang mong mỏi vượt thoát sự trói buộc của vòng sinh tử khổ đau, đó là 3 Báu: **Phật** (Buddha) **Pháp** (Dharma) **Tăng** (Saṃgha)

Phật (Buddha): Là bậc có Trí Tuệ viên mãn, thông hiểu lý sự chân thật của vạn vật, hoàn toàn vượt thoát mọi sự khổ đau trói buộc của vòng sinh tử luân hồi, hoàn thành công hạnh “**Tự Giác, Giác Tha, Giác Hạnh viên mãn**”. Thông thường Đức Phật bên ngoài được minh họa qua các Tôn Tượng với hình thức Xuất Gia, có đầy đủ mọi tướng tốt mọi vẻ đẹp đoan chính trang nghiêm hàm chứa 3 đặc tính: **Trí Tuệ, Từ Bi, vị tha**.

Pháp (Dharma): Là sự an định sâu xa nhất của một vật thể tức là cái duy trì được Tự Tính của nó khiến cho người ta nhận ra được nó là cái gì. Trong Tam Bảo, **Pháp** là đường lối giúp cho người tu hành chứng đạt được sự giải thoát sinh tử luân hồi. Thông

thường, Pháp Bảo bên ngoài được minh họa qua Kinh Điền, Pháp Khí, ngôn ngữ dạy đạo, phương cách tu tập.

Tăng (Samgha): dịch nghĩa là **Chúng** hay **Hợp Chúng**, tức là những người có cuộc sống trong sạch hoà hợp, luôn tinh tiến tu tập giáo pháp giải thoát nhằm đào tận phiền não, điều phục thân tâm vượt thoát Tham Dục dứt trừ Ngũ Si. Trong Tam Bảo, **Tăng** là bậc **“Trên cầu Bồ Đề, dưới hóa độ chúng sinh”**. Thông thường, Tăng Bảo bên ngoài được minh họa qua các vị có Đạo Hạnh hoặc các vị xuất gia, cạo tóc, mặc áo Cà Sa, thọ đủ Cấm Giới và có khả năng giáo hóa hay nêu gương tốt cho người cầu đạo.

Do vậy, 3 Báu bên ngoài là **Phật** (các Đấng Giác Ngộ) **Pháp** (Chân lý đưa tới Giác Ngộ) **Tăng** (những người có Đạo Hạnh đang tiến bước trên con đường Giác Ngộ, chứ không nhằm chỉ riêng cho người xuất gia) được xem là 3 vật Báu tôn quý nhất trong Thế Gian và là ruộng Phước cho những người học Phật nương tựa vào đó để **Tác Ý** tu sửa thân tâm, vượt thoát sự đọa lạc trong các nẻo ác.

— Trong giai đoạn hiện nay, một số người thắc mắc rằng: *“Khi chúng ta thực hiện đường lối giải thoát sinh tử, liệu có cần thiết phải quy y Tam Bảo hay không?”* và đã nêu ra vài trường hợp minh họa như sau:

— Khi được nghe hai câu Kệ *“Các Pháp theo Duyên sinh, các Pháp theo Nhân diệt”* do Ngài **Mã Thắng** (Asvajit) đọc thì Ngài **Xá Lợi Phất** (Sāriputra) liền khai mở tâm mắt, chứng ngay quả **Tu Đà Hoàn** (Srotāpanna). Lúc trở về, Ngài đọc lại bài Kệ ấy cho Ngài **Mục Kiền Liên** (Maudgalyāyana) nghe thì Ngài **Mục Kiền Liên** cũng chứng đạt ngay quả **Tu Đà Hoàn**. Nếu xét kỹ thì hai Ngài này đều theo ông **Saṅjaya tu tập Pháp học của Ngoại Đạo**, không hề biết gì về Phật Pháp, cũng **chẳng hề quy y Tam Bảo**. Vậy tại sao hai Ngài này lại có thể chứng được **Sơ Quả** giải thoát ngay lập tức?!... Trong khi đó, rất nhiều vị Tỳ Khuru được thừa hưởng Chính Pháp của Đức Thế Tôn ngay trong lúc Đức Phật còn tại thế mà vẫn không thể đắc Đạo?!...

— Sau khi chứng quả **Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác** (Anuttarā-samyaksambuddhi), tại sao Đức Phật chỉ **đỉnh lễ Pháp Bảo** mà không **đỉnh lễ Tam Bảo**?

— Khi Đức Phật vào **Niết Bàn** (Nirvāṇa), Ngài không hề giao quyền thừa kế cho Tăng đoàn, như thế ba báu bị khuyết mất một báu. Vậy tại sao ta phải quy y Tam Bảo?

— Trong một số Kinh bản ghi nhận rằng Đức Phật thường khuyên người tu hành nên **quy y Tam Bảo**. Thế tại sao trong Kinh bản khác, Đức Phật lại nhấn mạnh rằng: *“Hãy tự xem mình là hải đảo (chỗ ẩn náu) của mình. Chính mình là chỗ nương dựa của mình, không nên tìm sự nương dựa bên ngoài. Hãy xem Giáo Pháp là hải đảo của mình, Giáo Pháp là chỗ nương dựa của mình, không nên tìm sự nương dựa ở bên ngoài”*.

Lại nữa trong Kinh **Di Giáo**, Đức Phật chỉ nhấn mạnh *“Sau khi Ta nhập diệt, các người hãy lấy Giới Luật làm Thầy”*. Tại sao Ngài không nói là *“Hãy lấy Tam Bảo làm Thầy”*?

— Tại các nước Âu Mỹ, phần lớn giáo lý Phật Giáo được du nhập vào các khu vực này thông qua tài liệu khảo cổ, sách vở, báo chí, internet... chứ không thông qua hoạt động truyền giáo của Tăng đoàn (sau này mới xuất hiện sự truyền dạy giáo lý Phật Giáo của các Lama Tây Tạng). Thế nhưng những cư sĩ phương Tây vẫn tự thân cùng nhau dựng lập Hội, phiên dịch trước tác Kinh sách Phật Giáo, tổ chức hồng Pháp nhưng không xây chùa, thỉnh Tăng... Như thế họ có **cần phải quy y Tam Bảo** hay không?

Trong cuộc sống đời thường, do một số Tăng Ni không có đủ phẩm chất của người hoàng Pháp... đã dẫn đến hiện tượng *những cư sĩ Phật Giáo tự lập chùa, đúc tượng, hành lễ, không cần Tăng Sĩ*... Đối với những cư sĩ Phật Giáo như thế, họ chỉ **quy y Nhị Bảo** là *Phật với Pháp* chứ **không chịu quy y Tam Bảo**

Lại nữa, điều quan trọng nhất là *khi Giáo Pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã diệt tận. Trong khoảng thời gian rất dài, Thế Gian không hề được hay biết đến Phật Pháp, thậm chí chẳng được nghe đến tên Phật.... cho đến khi Đức Phật Di Lặc (Maitreya) ra đời thì nhân loại mới được nghe giảng Giáo Pháp giải thoát*. Thế nhưng trong giai đoạn u ám này, tại sao vẫn xuất hiện những vị Độc Giác, tức là vẫn có người chứng được quả vị giải thoát. Như thế trong thời gian ấy, con người có **cần phải quy y Tam Bảo** hay không ?

Thật ra, nếu chỉ xét theo tướng **Trụ Trì Tam Bảo** tức là hình tượng Đức Phật, Kinh sách Phật giáo, người xuất gia đầu tròn áo vuông thì quả thật việc **quy y Tam Bảo** không được thuyết phục lắm trong những trường hợp như trên. Thế nhưng, nếu chúng ta xem xét kỹ về **Tự Tính Tam Bảo**, tức là ba báu vốn có trong mỗi một con người thì việc **quy y Tam Bảo** quả rất cần thiết

Do Bồ Tát **Gautama** đã thực hiện chính đúng, đầy đủ việc cần làm của chính mình để Tịnh Hoá Nghiệp Thức thì Ngài cũng đã thực hiện được nếp sống trong sạch hoà hợp với vạn vật chung quanh (bình đẳng với vạn vật), đạt được sự hiểu biết sáng suốt không mê lầm (ngang bằng với chư Phật ba đời). Đây là lý do mà sau khi chứng Đạo, Đức Phật chỉ đỉnh lễ **Pháp Bảo**

Hai Ngài **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), **Mục Kiền Liên** (Maudgalyāyana) cũng thế. Do trong quá trình tu học theo Ngoại Đạo, nhưng các Ngài luôn luôn khởi Tâm chân thật cố gắng hoàn thiện việc cần làm của chính mình, cho nên khi công phu tịnh hoá Nghiệp Thức sắp hoàn thiện thì chỉ nghe qua hai câu kệ, các Ngài liền khai mở Tuệ Giác. Điều này cũng giải thích cho các trường hợp của nhiều người tu hành trong thời gian *không có Phật Pháp* chỉ nhìn thấy chiếc lá rơi, đám mây bay, dòng nước chảy, nghe câu nói...thời đột nhiên chứng đạt quả vị **Độc Giác Phật** (Pratyeka-buddha).

Ý nghĩa trên cũng giải thích cho việc làm của những cư sĩ Âu Mỹ với những cư sĩ tuy không thuận phục các Tăng Ni trong thời hiện đại, nhưng vẫn không lìa khỏi việc **quy y Tự Tính Tam Bảo**.

Riêng với nhiều vị Tỳ Khưu được thừa hưởng Chính Pháp của Đức Thế Tôn ngay trong lúc Đức Phật còn tại thế mà vẫn không thể đắc Đạo. Nguyên nhân chính là vì họ chưa thực hiện đầy đủ việc cần làm của chính mình để tịnh hóa Nghiệp Thức, cho nên không thể đắc Đạo được.

Lại nữa **Giới Luật** (Śīla: Thanh Lương Giới) là khuôn phép giúp cho người tu hành ngăn chặn điều ác, phát huy điều lành, sống trong sạch hoà hợp với vạn vật và tinh tiến làm việc của chính mình để tịnh hoá Nghiệp Thức, thúc đẩy cá nhân đạt được sự giác ngộ. Do vậy, Đức Phật chỉ cần nhấn mạnh "**hãy lấy Giới Luật làm Thầy**" tức đã hàm chứa đầy đủ ý nghĩa của việc **quy y Tự Tính Tam Bảo**.

Như vậy, đối với người Phật Tử thì "**Quy y Tam Bảo**" chính là Giới Luật đầu tiên cần phải được thọ nhận và cần phải thực hành một cách nghiêm mật để tránh khỏi sự đọa lạc vào các nẻo ác. Đối với bậc Thượng Căn khi thực hiện viên mãn Giới Luật này sẽ chứng đạt ngay quả vị Giải Thoát trong đời sống này.

Trong quá trình hoằng dương Chính Pháp giải thoát của Đức Phật. Tùy theo căn tính của chúng sinh trong mỗi vùng miền nên các bậc Đạo Sư đã uyển chuyển dùng phương tiện bên ngoài đánh thức sự tự giác bên trong của mỗi một chúng sinh

Phật Giáo Đông Độ nhận định rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Giáo Chủ của Thế Giới **Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu) hiện tại. Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokitesvara) có hạnh nguyện **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) luôn quán sát lắng nghe âm thanh cầu cứu của chúng sinh liền hóa hiện vô số Hóa Thân đến cứu khổ. Bồ Tát **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha) đã nhận lời phó chúc của Đức Phật Thích Ca, ở trong thời đại không có Phật cho đến lúc Bồ Tát **Di Lạc** (Maitreya) thành Đạo, Ngài sẽ làm vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi ở cõi Sa Bà này thì mới thành tựu **Nguyện** (Pṛaṇidhāna) của mình. Vì thế mới thiết lập tượng thờ Đức Phật Thích Ca chung với hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm, Địa Tạng và hợp xưng là **Sa Bà Tam Thánh** (hay Ta Bà Tam Thánh).



Do tâm lý của giáo đồ Phật Giáo phương Đông, khi sống gặp nạn khổ thì mong cầu vào sự cứu giúp của Bồ Tát Quán Thế Âm, khi chết đi thì trông cậy vào sự hóa độ của Bồ Tát Địa Tạng... thế nên Tôn Tượng **Sa Bà Tam Thánh** được phổ truyền rất rộng rãi trong dân gian, có ảnh hưởng rất sâu rộng trong đời sống văn hóa và tâm linh của người đời.

Theo ý nghĩa khác, Bồ Tát Địa Tạng được xưng tán là **U Minh Giáo Chủ** tức là sự biểu hiện nhắc nhở cho người đời biết rằng muốn thoát khỏi cảnh khổ đau ở Địa Ngục thì cách tốt nhất là **đừng làm các việc ác, nên làm việc hiền thiện**. Bồ Tát Quán Thế Âm với Tâm Nguyên **Đại Bi** luôn lắng nghe âm thanh kêu cầu cứu liên hiện thân đến cứu khổ, tức là sự biểu hiện nhắc nhở cho người đời **luôn luôn làm việc hiền thiện**, trợ giúp cho chúng sinh nhằm lợi mình lợi người qua việc tu tập **bốn Tâm Vô Lượng** (Từ, Bi, Hỷ, Xả). Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Đấng giác ngộ viên mãn, Tâm Ý luôn thanh tịnh không còn vướng mắc, thông hiểu Lý Sự của vạn vật như thật ... tức là sự biểu hiện nhắc nhở cho người đời **cần phải tự tịnh Tâm Ý của mình** thì mới đạt được sự giác ngộ viên mãn vượt thoát sinh tử luân hồi.

Theo ý nghĩa sâu xa hơn thì Tôn Tượng **Sa Bà Tam Thánh** tượng trưng cho **Tự Tính Tam Bảo**, trong đó Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tượng trưng cho **Tự Tính Phật Bảo**, Quán Thế Âm Bồ Tát tượng trưng cho **Tự Tính Pháp Bảo**, Địa Tạng Bồ Tát tượng trưng cho **Tự Tính Tăng Bảo**... tức là ba báu vốn có trong mỗi một con người.

Thế nên khi chúng ta kính lễ Tôn Tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì nên quán tưởng rằng: *“Đức Phật này chính là biểu tượng của sự sáng suốt hoàn toàn, thông hiểu Lý Sự của vạn vật như thật. Nguyên cho con mau chóng đạt được Trí Tuệ như vậy”*

Khi chúng ta kính lễ Tôn Tượng Quán Thế Âm Bồ Tát thì nên quán tưởng rằng: *“Đức Bồ Tát này là bậc luôn quán chiếu vạn Pháp ngay trong thật tại nhằm dứt trừ mọi phiền não khổ đau và chính là biểu tượng của đường lối giúp cho chúng Hữu Tình mau chóng vượt thoát biển sinh tử luân hồi. Nguyên cho con mau chóng tìm được Chính Pháp cá nhân để thực hiện được những điều cần làm một cách viên mãn. Đồng thời nguyện cho con đạt được sự định tĩnh, tự tri, tự giác, tự chủ, điều dụng, vị tha ngay trong đời hiện tại này”*.

Khi chúng ta kính lễ Tôn Tượng Địa Tạng Bồ Tát thì nên quán tưởng rằng: *“Đức Bồ Tát hiện bày tường Tỳ Kheo này chính là biểu tượng của các bậc cao thượng đang tiến bước trên con đường giải thoát. Nguyên cho con mau chóng gặp được vị Đạo Sư chân chính để nương theo Ngài, tịnh hóa được các Tâm Thức: Áo tưởng kiêu mạn, ganh tỵ tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, tri độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận. Đồng thời nguyện cho con đạt được cuộc sống hiền thiện, ngay thẳng, mực thước, chân chính, vị tha ngay trong đời hiện tại này”*.

Nếu chúng ta thường xuyên kính lễ Tôn Tượng **Sa Bà Tam Thánh** kèm theo sự quán tưởng như trên thì đây là điều kiện luôn nhắc nhở chúng ta quyết chí tu sửa thân tâm, thực hành Chính Pháp vượt thoát sinh tử luân hồi và năng lực của ý chí này sẽ dẫn dắt chúng ta từ kẻ phàm phu chuyển dần dần thành bậc Thánh giải thoát



Như vậy Tôn Tượng **Sa Bà Tam Thánh** còn minh họa cho Chính Pháp giải thoát xuyên suốt của Phật Giáo là:

Tăng Bảo: *Các việc Ác đừng làm* (dứt trừ Tập Đê), *các việc Thiện nên làm* (dứt trừ Khổ Đê). Điều này tương đương với **Giới** (một trong tam học, gồm có **Chính, Ngũ, Chính Mệnh, Chính Nghiệp**) và **Bồ Thí, Trì Giới** (trong sáu Ba La Mật)

Pháp Bảo: **Luôn làm các việc thiện lành và thực hiện bồ thí lợi sinh.** Nghĩa là **việc cần làm của chính mình** tức là *Tự tịnh Tâm Ý mình* (tu tập Đạo Đê). Điều này tương đương với **Định** (một trong tam học gồm có **Chính Tinh Tiến, Chính Niệm, Chính Định**) và **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định** (trong sáu Ba La Mật)

Phật Bảo: *Đó là lời Phật dạy* (thành tựu Diệt Đê). Điều này tương đương với **Tuệ** (một trong tam học gồm có **Chính Kiến, Chính Tư Duy**) và **Bát Nhã** (trong sáu Ba La Mật)

Dựa trên ý nghĩa này một số vị Đạo Sư đã minh xác được từ Pháp tu 4 Diệ Đê đã phát triển thành các Đại Nguyên của Bồ Tát là :

*) Muốn dứt trừ **Khổ Đê** thì phát Nguyên là: “**Chúng Sinh Vô Biên Thệ Nguyên Đê**” rồi từ Nguyên này được phát triển thành 2 Nguyên của Quán Thế Âm Bồ Tát là:

- 1) Nguyên tôi mau độ các chúng sinh (Đây là Cảnh Sở Hóa)
- 2) Nguyên tôi mau được phương tiện khéo (Đây là Pháp Năng Hóa)

*) Muốn dứt trừ **Tập Đê** thì phát Nguyên là: “**Phiền Nã vô tận thệ Nguyên đoan**” Từ Nguyên này được phát tiên thành 3 Nguyên của Quán Thế Âm Bồ Tát là:

- 1) Nguyên tôi mau ngồi Thuyền Bát Nhã (Trừ biển Si căn bản)
- 2) Nguyên tôi sớm được vượt biển khổ (Dứt sinh tử lưu chuyển)
- 3) Nguyên tôi sớm được Đạo Giới Định (Diệt Tham Sân)

*) Muốn tu tập **Đạo Đê** thì phát Nguyên là: “**Pháp Môn Vô Thượng thệ Nguyên học**” Từ Nguyên này được phát triển thành 2 Nguyên của Quán Thế Âm Bồ Tát là :

- 1) Nguyên tôi mau biết tất cả Pháp (Đây là Pháp Sở Học)
- 2) Nguyên tôi sớm được mắt Trí Tuệ (Đây là Trí Năng Chiếu)

*) Muốn chứng đạt **Diệt Đê** thì phát Nguyên là: “**Phật Đạo vô thượng thệ Nguyên thành**”. Từ Nguyên này được phát triển thành 3 Nguyên của Quán Thế Âm Bồ Tát là :

- 1) Nguyên tôi sớm lên non Niết Bàn (Chứng Niết Bàn Cứu Cánh)

- 2) Nguyên tội mau gặp nhà Vô Vi (Thành Đạo Bồ Đề)
3) Nguyên tội sớm thành Thân Pháp Tính (Viên thành 3 Thân)
Trong 4 Đại Nguyên của Bồ Tát thì Nguyên đầu chủ về Lợi Tha, 2 Nguyên kế chủ về Tự Lợi và Nguyên cuối cùng viên mãn cả 2 Lợi Tự Tha.

Hoặc là:

*) Muốn dứt trừ **Khổ Đế** thì phát Nguyên là: “**Chúng Sinh Vô Biên Thệ Nguyên Đệ**” rồi từ Nguyên này được phát triển thành 6 Nguyên (6,7,8,10,11,12) của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang là:

6_ Nguyên Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình thân kém, chẳng đủ Căn
Nghe tên Ta xong, đủ các căn
Đoan chính, thông tuệ, không bệnh khổ

7_ Nguyên Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình: mọi bệnh, nghèo túng, khổ
Danh hiệu của Ta thoảng qua tai
Thân tâm an vui, đủ của cải

8_ Nguyên Ta đời sau được Bồ Đề
Người nữ bị trăm ác bức bách
Sinh tâm chán lìa, nghe tên Ta
Liên được chuyển thành thân Trượng Phu

10_ Nguyên Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình bị pháp vua gây khổ
Vớ tai nạn khác ép thân tâm
Dùng uy thần Ta đều giải thoát

11_ Nguyên Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình đói khát nhân tạo nghiệp
Ta cho ăn uống, thân no đủ
Sau dùng Pháp Vi, an vui hết

12_ Nguyên Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình không chỗ dựa, nóng lạnh
Chuyên niệm tên Ta được quần áo
Vật trang nghiêm báu cũng đầy đủ

*) Muốn dứt trừ **Tập Đế** thì phát Nguyên là: “**Phiền Nã vô tận thệ Nguyên đoạn**”. Từ Nguyên này được phát triển thành 1 Nguyên (9) của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang là:

9_ Nguyên Ta đời sau được Bồ Đề
Khiến các hữu tình thoát lưới Ma
Thoát khỏi rừng rậm của Ngoại Đạo
Chính Kiến tu tập Hạnh Bồ Tát

*) Muốn tu tập **Đạo Đế** thì phát Nguyện là: “**Pháp Môn Vô Thượng thế Nguyện học**”. Từ Nguyện này được phát triển thành 3 Nguyện (3,4,5) của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang là:

3_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Trí Tuệ, phương tiện vô biên lượng
Vật cần thọ dụng đều không tận
Không để chúng sinh có thiếu thốn.

4_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Khiến các Tà Hạnh trụ Chính Đạo
Nếu người hành Thanh Văn, Độc Giác
Đều dùng Đại Thừa mà an lập

5_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Vô biên hữu tình tu Phạm Hạnh
Đều khiến đầy đủ ba Tụ Giới
Giả sử có phạm, lại trong sạch

*) Muốn chúng đạt **Diệt Đế** thì phát Nguyện là: “**Phật Đạo vô thượng thế Nguyện thành**”. Từ Nguyện này được phát triển thành 2 Nguyện (1,2) của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang là:

1_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Thân sáng rực rỡ chiếu Pháp Giới
Tướng tốt trang nghiêm thân Trượng Phu
Khiến các hữu tình không khác Ta

2_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Ánh sáng, Công Đức rất rộng lớn
Lưới lửa trang nghiêm hơn Nhật Nguyệt
Chúng sinh u minh đều mở sáng

_ Theo quan điểm mở rộng khác, Tứ Diệu Đế còn được minh họa qua những câu kệ đơn giản, dễ nhớ như sau:

Các việc Thiện nên làm (Dứt trừ Khổ Đế)
Các việc ác đừng làm (Dứt trừ Tập Đế)
Tự tịnh Tâm Ý mình (Tu tập Đạo Đế)
Đó là lời Phật dạy (Thành tựu Diệt Đế)

Sarva pāpasya akaraṇaṃ

Kuśalasya upasampadaḥ

Svacitta paryavadanam

Etad buddhasya śāsanam

Không làm tất cả các điều Ác

Thành tựu các điều Thiện

Tự làm trong sạch Tâm Ý của chính mình

Đó là lời chư Phật dạy

_ Hoặc minh họa bằng lời Nguyện dễ nhớ như sau:

Nguyện các chúng sinh thường được an vui (Dứt trừ Khổ Đế)

Nguyện các chúng sinh mau lìa phiền não (Dứt trừ Tập Để)
Nguyện các chúng sinh sớm khởi Từ Bi (Tu tập Đạo Để)
Nguyện các chúng sinh đồng thành Phật Đạo (Thành tựu Diệt Để)

15/09/2015